

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018	10 - 11
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2018	12 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2018 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Mã số doanh nghiệp **0 3 1 3 1 5 9 9 3 7**, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 3 năm 2015.

Vốn điều lệ : **15.000.000.000** Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại, Dịch vụ

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 187 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 38720567

Fax: 028 38720568

Mã số thuế: **0 3 1 3 1 5 9 9 3 7**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

- | | | |
|--------|-------------------|----------------------------|
| 1. Ông | Vũ Trung Tá | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông | Ngô Thanh Liêm | Thành viên |
| 3. Ông | Nguyễn Trường Sơn | Thành viên |
| 4. Ông | Phan Huỳnh Tùng | Thành viên |
| 5. Ông | Đặng Văn Dũng | Thành viên |



Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Vũ Trung Tá Tổng Giám đốc - Là người đại diện theo pháp luật của công ty
2. Ông Ngô Thanh Liêm Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Trường Sơn Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TP.HCM thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

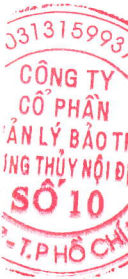
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2018 kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 36.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2018 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty



Tổng Giám đốc – Vũ Trung Tá

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2019



Số: 09/2019/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2018 kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10, được lập ngày 15 tháng 02 năm 2019, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc - Huỳnh Hữu Phước

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 1762-2018-124-1

Kiểm toán viên – Nguyễn Thị Huyền Trang

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 4287-2018-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		28.547.224.102	25.608.531.592
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		1.292.963.421	516.184.964
111	1. Tiền	V.1	1.292.963.421	516.184.964
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		704.559.691	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	704.559.691	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		25.577.815.015	24.649.861.925
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	21.736.471.273	23.877.577.554
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.912.678.800	40.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	3.130.573.943	1.862.759.772
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(1.201.909.001)	(1.130.475.401)
140	IV. Hàng tồn kho		166.547.076	166.547.076
141	1. Hàng tồn kho	V.7	166.547.076	166.547.076
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		805.338.899	275.937.627
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	805.338.899	271.828.446
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.9	-	4.109.181
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.276.872.233	12.662.772.711
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		929.960.100	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.10	929.960.100	-
220	II. Tài sản cố định		11.054.456.920	11.837.867.696
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	9.990.712.205	10.743.928.113
222	- Nguyên giá		23.170.808.946	22.434.414.984
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.180.096.741)	(11.690.486.871)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.12	1.063.744.715	1.093.939.583
228	- Nguyên giá		1.177.600.000	1.177.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(113.855.285)	(83.660.417)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.999.043.852	436.187.859
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.13	2.903.227.035	340.371.042
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.14	95.816.817	95.816.817
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		293.411.361	388.717.156
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.15	293.411.361	388.717.156
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		43.824.096.335	38.271.304.303

CÔNG TY CỔ PHẦN QLBT ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN		Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		22.145.941.853	18.922.335.238
310	I. Nợ ngắn hạn		18.801.113.519	15.377.506.904
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	6.773.320.742	5.798.823.949
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	3.293.930.000	276.866.200
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	3.320.660.179	2.643.559.904
314	4. Phải trả người lao động	V.19	1.035.409.111	2.796.401.091
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	-	244.248.559
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.21	606.104.484	23.759.127
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22	3.032.000.000	3.501.857.893
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.23	739.689.003	91.990.181
330	II. Nợ dài hạn		3.344.828.334	3.544.828.334
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.24	3.344.828.334	3.544.828.334
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		21.678.154.482	19.348.969.065
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.25	21.678.154.482	19.348.969.065
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.25.1	15.000.000.000	15.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		15.000.000.000	15.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	V.25.2	1.390.000	1.390.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	V.25.3	1.777.401.654	639.203.420
421	4. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.25.4	4.899.362.828	3.708.375.645
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		15.378.589	31.951.716
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		4.883.984.239	3.676.423.929
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		43.824.096.335	38.271.304.303

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.26	56.662.671.990	45.699.811.774
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.662.671.990	45.699.811.774
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.27	45.287.236.259	36.694.782.659
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.375.435.731	9.005.029.115
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.28	62.491.993	11.869.199
22	7. Chi phí tài chính	VI.29	297.642.339	337.380.000
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>297.642.339</i>	<i>337.380.000</i>
25	8. Chi phí bán hàng	VI.30	-	60.454.545
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.31	4.571.005.151	4.624.133.036
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.569.280.234	3.994.930.733
31	11. Thu nhập khác	VI.32	92.113.636	1.070.087.359
32	12. Chi phí khác	VI.33	411.833.279	290.195.648
40	13. Lợi nhuận khác		(319.719.643)	779.891.711
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.249.560.591	4.774.822.444
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.34	1.332.278.774	980.828.332
60	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		4.917.281.817	3.793.994.112
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.35	2.627	2.090

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.249.560.591	4.774.822.444
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.521.163.712	2.712.490.594
03	- Các khoản dự phòng		71.433.600	1.130.475.401
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(69.414.603)	(43.831.725)
06	- Chi phí lãi vay		297.642.339	337.380.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.070.385.639	8.911.336.714
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.917.889.609)	(2.054.987.093)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.562.855.993)	(147.602.897)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		2.915.111.575	(3.197.698.197)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(438.204.658)	(29.689.569)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(282.977.081)	(320.530.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.18	(1.298.406.285)	(519.961.143)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(44.397.578)	(182.109.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.440.766.010	2.458.758.315
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(751.061.962)	(2.930.159.123)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		95.000.000	124.500.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(704.559.691)	(1.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	1.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		62.491.993	246.007.182
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.298.129.660)	(2.559.651.941)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay	V.22	2.232.000.000	4.905.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	V.22	(2.701.857.893)	(6.352.853.257)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.25.4	(1.896.000.000)	(1.488.399.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.365.857.893)	(2.936.252.257)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		776.778.457	(3.037.145.883)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	516.184.964	3.553.330.847
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	1.292.963.421	516.184.964

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan



Vũ Trung Tá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2018 của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa số 10, sau đây gọi tắt là "Công ty".

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần (Nhà nước nắm giữ 51% Vốn điều lệ)

Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Quản lý, bảo trì đường thuỷ nội địa;
- Sản xuất lắp đặt báo hiệu đường thuỷ;
- Nạo vét sông, kênh, san lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình giao thông, thuỷ lợi, dân dụng;
- Dịch vụ cơ khí, đóng mới, sửa chữa phương tiện thuỷ;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng phương tiện thuỷ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, các Chi nhánh, Xi nghiệp công ty bao gồm:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Bình Đức

Địa chỉ: Số 377, Ấp 5, Xã Thạnh Đức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: 0272 3871 7766

Mã số Chi nhánh: 0313159937-001



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Phước Đông

Địa chỉ: Số 70, Ấp 7, Xã Phước Đông, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: 0272 3881 027

Mã số Chi nhánh: 0313159937-002

3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Đức Huệ

Địa chỉ: Số 1A, Khu phố 1, Tỉnh lộ 822, Thị trấn Đông Thành, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: 0272 3854 764

Mã số Chi nhánh: 0313159937-003

4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Phú Cường

Địa chỉ: Số 526, Đường Huỳnh Văn Cù, Phường Chánh Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3827 861

Mã số Chi nhánh: 0313159937-004

5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Biên Hoà

Địa chỉ: Số 148/1/8, đường Châu Văn Lồng, KP Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251 3831 747

Mã số Chi nhánh: 0313159937-005

6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Trị An

Địa chỉ: Khu phố 8, Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251 3860 084

Mã số Chi nhánh: 0313159937-006

7. Địa điểm kinh doanh – Xí nghiệp Đảm bảo An toàn Giao thông

Địa chỉ: 438/6 Đào Sư Tích, Ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký – Sổ cái.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quý, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm công trình hoặc giá thành theo giá khoán nội bộ.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp : Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp : kê khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 35
- Máy móc và thiết bị	8 – 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 16

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng. Thời gian tính khấu hao của Tài sản cố định vô hình tối đa là 20 năm, trường hợp vượt 20 năm thì phải có bằng chứng tin cậy và xác định được.

TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm :

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định là gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất).

Chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao trong 39 năm (từ ngày 13 tháng 3 năm 2015 đến ngày 25 tháng 9 năm 2053).



7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

9. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

12. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

17. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này phản ánh lãi cơ bản trên cổ phiếu, chưa tính đến các công cụ được phát hành trong tương lai có khả năng pha loãng giá trị cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán (mẫu số).

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 1, Mục VIII- Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	97.572.586	40.026.651
- Tiền gửi ngân hàng	1.195.390.835	476.158.313
Cộng	1.292.963.421	516.184.964
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	704.559.691	-
Khoản tiền gửi có kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.		
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty TNHH MTV 508	829.090.000	829.090.000
- Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 2	2.988.941.104	4.617.018.991
- CN Công ty TNHH MTV VT và Xếp dỡ Đường thủy nội địa	180.871.401	180.871.401
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	6.790.566.325	10.430.266.140
- Chi Cục Đường thủy nội địa Phía Nam	3.698.996.218	1.840.676.499
- Công ty Cổ phần Đầu tư cầu Mỹ Lợi (*)	1.531.237.600	1.600.002.600
- Công ty TNHH MTV 319.2 (*)	980.369.000	980.369.000
- CN Công ty Cổ phần Quản lý Đường Sông Số 2 tại Phía Nam	951.489.314	735.223.314
- Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	499.054.497	539.665.500
- Công ty Cổ phần Đồng Tâm	349.050.064	-
- Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.539.233.200	-
- Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An	240.525.000	-
- Công ty TNHH Bê tông 620 Đồng Tâm	224.709.550	-
- Phòng quản lý đô thị Thành phố Biên Hòa	573.491.000	-
- Các đối tượng khác	358.847.000	2.124.394.109
Cộng	21.736.471.273	23.877.577.554

(*) Các khoản phải thu này liên quan đến các công trình phải chờ quyết toán Ngân sách Nhà nước nên chậm thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	-	40.000.000
- Công ty TNHH Lâm Đạt SG	862.678.800	-
- DNTN Sản xuất Thương mại Dịch vụ A Của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Giang Hoàng Phát	850.000.000	-
	200.000.000	-
Cộng	1.912.678.800	40.000.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

- Tạm ứng	33.329.000	437.401.593
- Ký quỹ, ký cược (*)	2.397.072.956	1.164.104.995
- Phải thu khác	700.171.987	261.253.184
+ Đặng Văn Dũng (**)	267.586.267	100.344.850
+ Đào Thị Thanh	308.661.500	-
+ Phải thu đối tượng khác	123.924.220	160.908.334
Cộng	3.130.573.943	1.862.759.772

(*) Các khoản ký quỹ để bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Các khoản ký quỹ này được thể hiện trên các Thư bảo lãnh của Ngân hàng có thời hạn bảo lãnh dưới 12 tháng.

(**) Là khoản phải thu về lợi nhuận từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 11.14/HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2015 được quyết toán lợi nhuận ngày 31/12/2018 (xem thuyết minh số **V24.1**).

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty CP Xây dựng công trình đường sắt 796	108.747.000	(108.747.000)	108.747.000	(108.747.000)
- Công ty TNHH MTV 508	829.090.000	(829.090.000)	829.090.000	(829.090.000)
- CN Công ty TNHH MTV VT và Xếp dỡ Đường thủy Nội địa	180.871.401	(180.871.401)	180.871.401	(180.871.401)
- Công ty TNHH KT Công nghệ Thiên Ân	-	-	11.767.000	(11.767.000)
- Công ty TNHH SXTMDV XD XNK Đức Phú Thịnh	118.858.000	(83.200.600)	-	-
Cộng	1.237.566.401	(1.201.909.001)	1.130.475.401	(1.130.475.401)

3482-0
 IGTY TN
 EM TOÁN
 TÂM
 NHÂN
 HÀNH P
 CHÍ MİN
 HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

	Số cuối năm	Số đầu năm
7. Hàng tồn kho	166.547.076	166.547.076
Giá gốc của Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối năm.		
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ	52.824.386	42.551.585
- Chi phí nhiên liệu, vật tư tại các Trạm	752.514.513	229.276.861
Cộng	805.338.899	271.828.446
9. Thuế GTGT được khấu trừ		
- Số đầu năm	4.109.181	4.109.181
- Phát sinh trong năm	2.831.360.841	2.458.078.622
- Khấu trừ thuế GTGT đầu ra	(2.835.470.022)	(2.458.078.622)
- Số cuối năm	-	4.109.181
10. Phải thu dài hạn khác	929.960.100	-

Phải thu dài hạn khác là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn trên 12 tháng.

11. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá					
- Số đầu năm		4.403.263.926	577.534.154	17.453.616.904	22.434.414.984
- Mua trong năm		261.541.295	73.480.000	242.212.727	577.234.022
- Đầu tư XDCB hoàn thành		30.286.800	90.909.091	118.764.049	239.959.940
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	(80.800.000)	(80.800.000)
- Số cuối năm		4.695.092.021	741.923.245	17.733.793.680	23.170.808.946
Giá trị hao mòn					
- Số đầu năm		2.007.426.738	472.252.549	9.210.807.584	11.690.486.871
- Khấu hao trong năm		223.456.906	33.063.296	1.234.448.642	1.490.968.844
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	(1.358.974)	(1.358.974)
- Số cuối năm		2.230.883.644	505.315.845	10.443.897.252	13.180.096.741

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	2.395.837.188	105.281.605	8.242.809.320	10.743.928.113
- Tại ngày cuối năm	2.464.208.377	236.607.400	7.289.896.428	9.990.712.205
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng				
- Tại ngày đầu năm	-	151.224.560	1.773.474.803	1.924.699.363
- Tại ngày cuối năm	-	151.224.560	2.966.514.508	3.117.739.068

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 513, tờ bản đồ số 16, ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn sử dụng đến ngày 25 tháng 9 năm 2053.

Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý để chuyển đổi quyền sở hữu tài sản.

Tình hình tài sản cố định vô hình như sau:

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Số cuối năm
- Nguyên giá	1.177.600.000	-	1.177.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	83.660.417	30.194.868	113.855.285
- Giá trị còn lại	1.093.939.583	30.194.868	1.063.744.715

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cung cấp và lắp đặt biển báo hiệu ĐTNĐ đường dây 500KV Long Phú - Ô Môn	169.321.969	169.321.969
- Đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu- QL 60	2.308.256.793	92.981.000
- Điều tiết giao thông thủy cầu Cai Lậy	48.604.518	48.604.518
- Đảm bảo ATGTT trong quá trình thi công các cầu tỉnh Hậu Giang	180.479.998	-
- SX lắp đặt phao báo hiệu ĐTNĐ thi công cầu Ông Cày	86.619.881	-
- Các công trình khác	109.943.876	29.463.555
Cộng	2.903.227.035	340.371.042

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện 2	100.000.000	85.731.200
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 72	60.000.000	60.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng NASACO	50.000.000	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Nền Móng và Xây dựng Hồng Đức	64.300.000	-
- Ban QLDA - ĐTXD Công Trình Giao Thông Tỉnh Hậu Giang	2.906.125.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế GTVT Phía Nam	83.505.000	-
- Các đối tượng khác	30.000.000	131.135.000
Cộng	3.293.930.000	276.866.200

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	1.731.109.300	2.839.757.644	2.358.147.282	2.212.719.662
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	860.951.117	1.362.309.324	1.298.406.285	924.854.156
- Thuế Thu nhập cá nhân	51.499.487	317.861.096	186.274.222	183.086.361
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	165.706.388	165.706.388	-
- Các loại thuế khác phải nộp	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	2.643.559.904	4.694.634.452	4.017.534.177	3.320.660.179

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

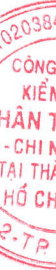
Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

	Số cuối năm	Số đầu năm
19. Phải trả người lao động	1.035.409.111	2.796.401.091
Tiền lương và các khoản thu nhập thuộc quỹ lương còn phải trả cho người lao động.		
Quỹ lương trong năm được trích theo định mức tiền lương (nhân công) của các hạng mục, dự án, công trình hoàn thành trong năm.		
20. Chi phí phải trả ngắn hạn	-	244.248.559
Chi phí phải trả ngắn hạn là chi phí phục vụ công tác.		
21. Phải trả ngắn hạn khác		
- Cao Văn Phúc	145.769.350	-
- Nguyễn Quốc Hưng	427.037.556	-
- Đặng Thanh Phong (*)	33.297.578	17.570.183
- Phải trả ngắn hạn khác	-	6.188.944
Cộng	606.104.484	23.759.127

(*) Khoản lợi nhuận phải trả cho ông Đặng Thanh Phong từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06.04/HĐHTKD ngày 24/6/2017.

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
22.1 Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	1.032.000.000	-	1.032.000.000
22.2 Công đoàn Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường Thủy Nội Địa Số 10	1.001.857.893	-	(1.001.857.893)	-
22.3 Vay các cá nhân	2.500.000.000	1.200.000.000	(1.700.000.000)	2.000.000.000
+ Ông Đặng Thanh Phong	2.500.000.000	-	(500.000.000)	2.000.000.000
+ Ông Đỗ Ngọc Tú		200.000.000	(200.000.000)	-
+ Ông Đặng Văn Dũng		1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Cộng	3.501.857.893	2.232.000.000	(2.701.857.893)	3.032.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

22.1. Khoản vay của Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, chi tiết các điều khoản cơ bản như sau:

- Số Hợp đồng : 3079/18/TD/I.35
- Ngày hợp đồng : 15/08/2018
- Hạn mức vay : 3.000.000.000 VNĐ
- Hạn mức bảo lãnh : 15.000.000.000 VNĐ
- Thời hạn vay : Được ghi trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 8 tháng tính từ ngày giải ngân.
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động (Bao gồm tái tài trợ phân vốn tự có công ty đã bỏ ra để phục vụ hoạt động kinh doanh)
- Mục đích bảo lãnh : Phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn tạm ứng, bảo lãnh bảo hành
- Lãi suất : Được quy định cụ thể trong từng thư tín dụng chứng từ.
- Biện pháp bảo đảm :
 - + Thực hiện ký quỹ tại ngân hàng theo từng loại bảo lãnh
 - + Đảm bảo bằng tài sản: Cam kết bảo lãnh cá nhân của Ông Vũ Trung Tá, Ông Nguyễn Trường Sơn, Ông Ngô Thanh Liêm, Ông Phan Huỳnh Tùng và Ông Đặng Văn Dũng.

Chi tiết các lần vay như sau:

- Đợt 1: 200.000.000 đồng Thời hạn vay: 13/11/2018 đến 15/05/2019 Lãi suất: 10.5%
- Đợt 2: 264.000.000 đồng Thời hạn vay: 17/12/2018 đến 15/06/2019 Lãi suất: 10.5%
- Đợt 3: 568.000.000 đồng Thời hạn vay: 17/12/2018 đến 15/06/2019 Lãi suất: 10.5%

22.3. Khoản vay Ông Đặng Thanh Phong theo Hợp đồng vay số 12.16 ngày 29/12/2015 (Phụ lục hợp đồng vay số 07.01 ngày 01/07/2016; PLHĐ số 12.02 ngày 04/12/2016; PLHĐ số 12.07 ngày 04/12/2017; PLHĐ số 12.19 ngày 03/12/2018) và Hợp đồng vay số 02.01 ngày 01/02/2016 (Phụ lục hợp đồng vay số 08.01 ngày 02/08/2016; PLHĐ số 01.01 ngày 03/01/2017; PLHĐ số 01/08 ngày 02/01/2018).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

Chi tiết các điều khoản cơ bản như sau:

	Hợp đồng số 12.16	Hợp đồng số 02.01
- Hạn mức vay :	1.000.000.000 đồng	1.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay :	12 tháng	12 tháng
- Lãi suất :	12%/năm	12%/năm
- Ngày đến hạn :	04/12/2019	02/01/2019
- Mục đích vay :	Thanh toán các chi phí cho hoạt động sản xuất của Công ty	Thanh toán các chi phí cho hoạt động sản xuất của Công ty
- Tài sản đảm bảo :	Không có	Không có

23. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận (*)	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ khen thưởng	77.873.797	379.399.411	2.500.000	454.773.208
- Quỹ phúc lợi	14.116.384	279.399.411	8.600.000	284.915.795
Cộng	91.990.181	658.798.822	11.100.000	739.689.003

(*) Tham chiếu Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.25.4

	Số cuối năm	Số đầu năm
24. Phải trả dài hạn khác		
24.1 Ông Đặng Văn Dũng	3.344.828.334	3.344.828.334
24.2 Ông Đặng Thanh Phong	-	200.000.000
Cộng	3.344.828.334	3.544.828.334

24.1. Khoản phải trả ông Đặng Văn Dũng:

Theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 11.14/HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2015 (PLHĐ số 03.03/PLHĐ ngày 13/3/2017; PLHĐ số 10.01-1/PLHĐ ngày 01/10/2017; PLHĐ số 11.23/PLHĐ ngày 24/11/2018).

- Các bên sẽ hợp tác hoán cải tàu Đồng Nai 10BH10 từ tàu sông (SI) nâng cấp lên tàu kéo sông pha biển (SB); sau hoàn thành sẽ giao cho ông Dũng quyền quản lý, sử dụng khai thác. Thời hạn hợp tác là 03 năm bắt đầu kể từ ngày ký hợp đồng.
- Tổng chi phí đầu tư: 5.574.713.890 đồng. Trong đó Công ty góp 40%; Ông Đặng Văn Dũng góp 60%.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

- Sau khi hoàn tất công tác hoán cải tàu Đồng Nai 10BH10 từ tàu sông (SI) nâng cấp lên tàu kéo sông pha biển (SB), Công ty đồng ý giao cho ông Dũng quyền quản lý, sử dụng khai thác. Hàng tháng ông Dũng có trách nhiệm thanh toán cho Công ty một khoản phí không thấp hơn 1%/tháng trên tổng số tiền góp của Công ty (tương đương 12%/năm) mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh khai thác của ông Dũng.

24.2. Khoản phải trả ông Đặng Thanh Phong:

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh bến thủy nội địa số 06.04/HĐHTKD ngày 24 tháng 6 năm 2017; PLHD số 08.09 ngày 23/8/2018 đã thanh lý trong năm 2018.

- Các bên Hợp tác đầu tư bến kinh doanh khai thác vật liệu xây dựng tại Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Bình Đức (Xã Thạnh Đức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An).
- Thời hạn hợp tác bắt đầu từ ngày ký hợp đồng đến ngày đến ngày 15 tháng 8 năm 2017 (theo thời hạn Giấy phép hoạt động của Bến thủy nội địa số 300/2017/GPBTND của Sở GTVT Long An cấp ngày 21/8/2017).
- Về góp vốn:
 - Góp vốn bằng Tài sản cố định: Ông Đặng Thanh Phong góp bằng phương tiện thiết bị (xe máy...); Công ty CP Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 10 góp bằng: Mặt bằng bến bãi và các cơ sở hạ tầng (nhà điều hành, kè bờ, đường xe ra vào bãi cát...)
 - Góp bằng tiền: Ông Đặng Thanh Phong góp 200.000.000 Đồng.
- Phân chia lợi nhuận:
 - Lợi nhuận ròng được trích chia thưởng cho bộ phận trực tiếp quản lý điều hành là 10% (tỷ lệ cụ thể căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế và sự đồng thuận của hai bên).
 - Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các chi phí theo quy định được chia theo tỷ lệ 50% cho mỗi Bên (hoặc tỷ lệ thỏa thuận khác nếu có).

25. Vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
25.1. Vốn đầu tư của CSH	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
25.2. Thặng dư vốn cổ phần	1.390.000	-	-	1.390.000
25.3. Quỹ đầu tư phát triển	639.203.420	1.138.198.234	-	1.777.401.654
25.4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.708.375.645	4.917.281.817	3.726.294.634	4.899.362.828
Cộng	19.348.969.065	6.055.480.051	3.726.294.634	21.678.154.482



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

25.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) góp vốn	Số tiền
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	765.000	51,00%	7.650.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	150.000	10,00%	1.500.000.000
- Ông Vũ Trung Tá	121.500	8,10%	1.215.000.000
- Ông Đào Việt Hà	75.000	5,00%	750.000.000
- Ông Hồ Ngọc Nghĩa	24.700	1,65%	247.000.000
- Ông Cao Văn Phúc	22.700	1,51%	227.000.000
- Ông Ngô Thanh Liêm	16.300	1,09%	163.000.000
- Ông Nguyễn Trường Sơn	12.000	0,80%	120.000.000
- Các cổ đông khác (94 cổ đông)	312.800	20,85%	3.128.000.000
Cộng	1.500.000	100,00%	15.000.000.000

Cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 Đồng/CP.

Số lượng cổ phiếu lưu hành: 1.500.000 cổ phần

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

+ Chi trả cổ tức năm 2017	1.896.000.000
+ Tạm ứng cổ tức năm 2018	-
Cộng	1.896.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

25.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lợi nhuận CPP năm trước	3.708.375.645	2.141.062.002
- Phân phối lợi nhuận của năm trước	(3.692.997.056)	(2.109.110.286)
+ Quỹ khen thưởng	(379.399.411)	(78.518.381)
+ Quỹ phúc lợi	(279.399.411)	(78.518.381)
+ Quỹ đầu tư phát triển	(1.138.198.234)	(434.073.524)
+ Chia cổ tức	(1.896.000.000)	(1.518.000.000)
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển năm nay	15.378.589	31.951.716
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4.917.281.817	3.793.994.112
- Phân phối lợi nhuận năm nay	(33.297.578)	(117.570.183)
+ Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	(33.297.578)	(17.570.183)
+ Quỹ phúc lợi	-	(100.000.000)
- Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển năm sau	4.899.362.828	3.708.375.645

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	ĐVT: VND	
	Năm nay	Năm trước
26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.662.671.990	45.699.811.774

Doanh thu duy trì luồng tuyến, lắp đặt bảng báo giao thông và các dịch vụ khác trong năm.

Trong đó doanh thu của hoạt động Hợp tác kinh doanh Bến thủy nội địa số 06.04/HĐHTKD ngày 24/6/2017 là 4.520.591.946 Đồng.

27. Giá vốn hàng bán	45.287.236.259	36.694.782.659
-----------------------------	-----------------------	-----------------------

Giá vốn nạo vét luồng tuyến; sản xuất, lắp đặt bảng báo giao thông và các dịch vụ khác.

28. Doanh thu hoạt động tài chính	62.491.993	11.869.199
--	-------------------	-------------------

Khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

29. Chi phí tài chính	297.642.339	337.380.000
Khoản chi phí lãi tiền vay.		
30. Chi phí bán hàng	-	60.454.545
Khoản chi phí dịch vụ mua ngoài.		
31. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí đồ dùng văn phòng	329.558.260	237.197.717
- Chi phí khấu hao TSCĐ	753.733.966	638.493.869
- Thuế, phí và lệ phí	174.706.388	478.501.430
- Chi phí dự phòng	71.433.600	1.130.475.401
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.053.919.670	795.704.692
- Chi phí bằng tiền khác	1.187.653.267	1.343.759.927
Cộng	4.571.005.151	4.624.133.036
32. Thu nhập khác		
- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	86.363.636	131.831.819
- Thu nhập khác	5.750.000	938.255.540
Cộng	92.113.636	1.070.087.359
33. Chi phí khác		
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	79.441.026	70.819.289
- Các khoản tiền phạt	217.571.443	110.682.714
- Chi phí khác	114.820.810	108.693.645
Cộng	411.833.279	290.195.648
34. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành		
33.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành của hoạt động kinh doanh chính	1.315.629.985	972.043.241
33.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành của hoạt động hợp tác kinh doanh	16.648.789	8.785.091
Cộng	1.332.278.774	980.828.332

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

33.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành của hoạt động kinh doanh chính

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.166.316.645	4.730.896.987
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	411.833.279	129.319.214
- Tổng thu nhập chịu thuế	6.578.149.924	4.860.216.201
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.315.629.985	972.043.241

33.2. Chi phí thuế TNDN hiện hành của hoạt động hợp tác kinh doanh bên thuỷ nội địa số 06.04/HĐHTKD ngày 24/6/2017

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh	83.243.946	43.925.457
- Tổng thu nhập chịu thuế	83.243.946	43.925.457
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.648.789	8.785.091

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.917.281.817	3.793.994.112
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(976.796.848)	(658.798.822)
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.940.484.969	3.135.195.290
- Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.500.000
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	-	-
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.627	2.090

(*) Cho tới thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa có quyết định về việc phân phối lợi nhuận cho năm 2018, nên Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỷ lệ 20% trên lợi nhuận sau thuế TNDN đã trừ lợi nhuận hợp tác kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

VII. THÔNG TIN CHO NHỮNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	ĐVT: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay	(2.701.857.893)	(6.352.853.257)
Trong đó:		
+ Chi trả nợ gốc vay bằng tiền mặt	(1.200.000.000)	
+ Chi trả nợ gốc vay bằng tiền gửi ngân hàng	(1.501.857.893)	
Chi trả nợ gốc vay bằng tiền	(2.701.857.893)	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Vũ Trung Tá	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Ngô Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	Cổ đông (10%)

Giao dịch với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	VND
Ông Vũ Trung Tá	Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	501.565.281
Ông Ngô Thanh Liêm	Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	454.999.460
	Chi tạm ứng	414.630.394
	Thu hồi tạm ứng	414.630.394



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2018

Ông Nguyễn Trường Sơn	Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	421.517.535
	Chi tạm ứng	115.000.000
	Thu hồi tạm ứng	115.000.000
Ông Đặng Văn Dũng	Phải thu lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	267.586.267
	Thu tiền lợi nhuận năm 2017 từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	100.344.850
Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	Phải trả tiền thuê tàu, máy phát điện, nhà nổi, ca nô	1.129.049.000
	Thanh toán chi phí thuê tàu, máy phát điện, nhà nổi, ca nô	781.100.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	VND
Ông Đặng Văn Dũng	Phải thu lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	267.586.267
Cộng nợ phải thu		267.586.267
Ông Đặng Văn Dũng	Phải trả tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh về việc hoán cải tàu Đồng Nai 10BH10	3.344.828.334
Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	Phải trả chi phí thuê tàu, máy phát điện, ca nô, nhà nổi	1.982.030.000
Cộng nợ phải trả		5.326.858.334

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá